

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Quốc Huy	Khanh	HHA007149	1	26.00	0.5	26.50
2	Trịnh Thị Thu	Hà	TTB001815	1	24.25	1.5	25.75
3	Tường Duy	Quyền	YTB018143	1	24.75	1.0	25.75
4	Phạm Thu	Hường	HHA007059	1	25.50		25.50
5	Lê Nguyên Tuấn	Anh	TLA000428	2	21.75	3.5	25.25
6	Đinh Thị	Loan	TTB003612	1	23.75	1.5	25.25
7	Trần Quang	Việt	HHA016253	1	24.75	0.5	25.25
8	Phạm Bình	Trọng	YTB023426	2	24.50	0.5	25.00
9	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	2	23.25	1.5	24.75
10	Kiều Phương	Linh	DCN006281	1	24.25	0.5	24.75
11	Nguyễn Thị Thúy	An	YTB000035	1	23.75	1.0	24.75
12	Vũ Châu	Long	HHA008632	2	23.00	1.5	24.50
13	Nguyễn Thảo	Linh	TTB003545	1	23.00	1.5	24.50
14	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	TDV028135	1	24.00	0.5	24.50
15	Nguyễn Phương	Thảo	TND023096	1	23.00	1.5	24.50
16	Vũ Hương	Giang	YTB005743	2	22.25	2.0	24.25
17	Bùi Thị	Huế	LNH003818	1	20.75	3.5	24.25
18	Nguyễn Tùng	Dương	TTB001367	1	22.75	1.5	24.25
19	Vũ Hồng	Hạnh	BKA004151	1	23.25	1.0	24.25
20	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	1	23.25	1.0	24.25
21	Trần Phương	Linh	TQU003276	1	22.75	1.5	24.25
22	Trần Thị	Tho	KQH013186	1	23.25	1.0	24.25
23	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	HDT004659	2	23.00	1.0	24.00
24	Nguyễn Thị Thùy	Linh	THV007633	1	23.50	0.5	24.00
25	Lê Thị Tuyết	Trinh	BKA013782	1	23.00	1.0	24.00
26	Nguyễn Thị Khánh	Ly	HDT015709	1	22.50	1.5	24.00
27	Hoàng Tuấn	Anh	THV000208	1	22.50	1.5	24.00
28	Nguyễn Minh	Chiến	YTB002353	1	23.00	1.0	24.00
29	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	KHA000963	1	23.25	0.5	23.75

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Trần Hải	Ly	TND015764	1	22.25	1.5	23.75
31	Trịnh Quốc	Dũng	KQH002304	1	22.25	1.5	23.75
32	Hoàng Trần Anh	Minh	DCN007367	1	23.25	0.5	23.75
33	Vũ Ngọc	Mai	YTB014139	3	22.50	1.0	23.50
34	Phùng Thế	Hiệp	KHA003553	2	23.00	0.5	23.50
35	Phạm Văn	Sơn	THP012693	2	23.00	0.5	23.50
36	Vũ Văn	Linh	THP008622	2	22.50	1.0	23.50
37	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	TLA001639	1	22.50	1.0	23.50
38	Lê Thị	ánh	YTB001562	1	22.50	1.0	23.50
39	Hoàng Thanh	Xuân	THP016981	2	23.25		23.25
40	Nguyễn Thị Diệu	Linh	YTB012722	2	22.25	1.0	23.25
41	Đỗ Thị Cẩm	Linh	TND014058	1	21.75	1.5	23.25
42	Đặng Bá	Mạnh	TND016153	1	22.75	0.5	23.25
43	Tiêu Thị Thu	Trang	THP015389	1	22.75	0.5	23.25
44	Nguyễn Thị Vân	Anh	TLA000918	2	22.00	1.0	23.00
45	Mai Thị Ngọc	Mai	HDT016041	2	22.00	1.0	23.00
46	Nguyễn Thị Khánh	Linh	SPH009880	1	22.00	1.0	23.00
47	Hoàng Kim	Thái	THP012949	1	22.00	1.0	23.00
48	Nguyễn Việt	Hoàng	KHA004040	1	21.50	1.5	23.00
49	Nguyễn Bá	Tuân	KHA011020	1	23.00		23.00
50	Nguyễn Việt	Anh	TND000925	1	21.50	1.5	23.00
51	Trần Hoàng	Phước	KHA007879	1	22.50	0.5	23.00
52	Bùi Hoàng	Sơn	HHA011931	2	21.25	1.5	22.75
53	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	2	22.25	0.5	22.75
54	Phạm Thị Khánh	Linh	THP008486	1	21.75	1.0	22.75
55	Lương Thạch	Thảo	THV012201	1	21.25	1.5	22.75
56	Nguyễn Văn	Huy	TND010838	1	21.75	1.0	22.75
57	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	KQH007163	1	21.75	1.0	22.75
58	Lê Bá	Long	TLA008457	1	22.25	0.5	22.75

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: A00 (Toán - Lý - Hóa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 03/08/2015

Trang 3

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Lương Thị Ngọc	Hà	TTB001770	2	19.00	3.5	22.50
60	Trương Ngọc	Châm	YTB002163	2	21.50	1.0	22.50
61	Cao Thị	Thơm	THP013976	2	21.50	1.0	22.50
62	Lê Thị Hoài	Nam	HDT009656	1	22.00	0.5	22.50
63	Trần Thị Thu	Hà	TQU001453	1	21.00	1.5	22.50
64	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DCN009853	2	21.25	1.0	22.25
65	Trần Thị	Bích	YTB001903	2	21.25	1.0	22.25
66	Nguyễn Thanh	Hường	KHA004950	2	21.75	0.5	22.25
67	Nguyễn Đức	Mạnh	LNH006034	1	20.75	1.5	22.25
68	Nguyễn Thị	Nhàn	THV009744	2	20.50	1.5	22.00
69	Đặng Thị	Bích	TDV002357	1	21.00	1.0	22.00
70	Nguyễn Thảo	Linh	THV007635	1	20.25	1.5	21.75
71	Nguyễn Thị Kim	Oanh	TQU004205	2	20.00	1.5	21.50
72	Nguyễn Xuân	Trường	THV014293	1	19.50	1.5	21.00
73	Phạm Thị	Linh	HDT014739	1	18.75	1.0	19.75
74	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	2	18.50	0.5	19.00
75	Lê Trung	Đức	DCN002544	2	18.25	0.5	18.75
76	Nguyễn Thị Hồng	Sinh	TLA011730	1	16.25		16.25

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU